

Số: /KH-UBND

Tân Yên, ngày tháng 11 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 4065/KH-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về Triển khai thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; Kế hoạch số 4065/KH-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về Triển khai thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030; UBND huyện Tân Yên xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn huyện Tân Yên đến năm 2030 như sau:

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân số 21/LCT/HĐNN8 của Quốc hội ngày 11/7/1989;
- Luật Hôn nhân Gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014;
- Luật Thanh niên số 57/2020/QH14 ngày 16/6/2020;
- Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016;
- Pháp lệnh Dân số 06/2003/PL-UBTVQH11 ngày 09/1/2003; Pháp lệnh Dân số 08/PL-UBTVQH12 ngày 27/12/2008 sửa đổi điều 10 Pháp lệnh Dân số;
- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XII) về công tác dân số trong tình hình mới; Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;

- Quyết định số 2539/QĐ - BYT ngày 24/5/2021 của Bộ Y tế về việc Ban hành kế hoạch hành động thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;

- Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017, Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ tỉnh Bắc Giang thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 2327/KH-UBND ngày 02/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Bắc Giang thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Căn cứ thực tiễn

Nhiều năm qua huyện Tân Yên đã bám sát các chủ chương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của cấp trên để triển khai công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh và sơ sinh đã đạt những kết quả như vị thành niên, thanh niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sàng lọc trước sinh và sơ sinh; dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh; tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn bắt đầu được chú trọng. Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh từ năm 2015 - 2020 đạt trên 60%; tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc tăng từ 6,4% năm 2015 lên 50% năm 2020.

Tuy nhiên, việc triển khai cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh và sơ sinh còn nhiều khó khăn, thách thức. Nhận thức của người dân về lợi ích chương trình tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh và sơ sinh còn nhiều hạn chế, các nhóm đối tượng chưa chủ động sử dụng dịch vụ. Mạng lưới cung cấp dịch vụ chưa bao phủ rộng khắp gây hạn chế việc tiếp cận sử dụng dịch vụ của người dân. Việc đầu tư cho chương trình còn hạn chế, chưa có cơ chế để thực hiện xã hội hóa và huy động được các nguồn lực cho các hoạt động của chương trình. Đối tượng được sàng lọc sơ sinh miễn phí theo quy định rất hạn chế và mới triển khai sàng lọc được 2 bệnh phổ biến cơ bản (suy giáp bẩm sinh và thiếu men G6PD), việc triển khai xã hội hóa sàng lọc sơ sinh tại các đơn vị y tế trong huyện chưa đồng bộ, chưa tập trung; việc quản lý, theo dõi đối tượng được sàng lọc sơ sinh chưa đầy đủ nên tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc theo thống kê chưa đạt kế hoạch đề ra hàng năm. Hoạt động tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn mới chủ yếu tập trung vào

tuyên truyền, vận động mà chưa phát triển các dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trực tiếp cho nhóm nam, nữ chuẩn bị kết hôn. Do đó tỷ lệ các cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn thấp. Bên cạnh đó, công tác truyền thông, tư vấn về sàng lọc trước sinh và sơ sinh, tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân chưa thường xuyên, liên tục, nội dung, hình thức truyền thông chưa toàn diện, đa dạng.

Ủy ban Nhân dân huyện Tân Yên xác định việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh huyện Tân Yên đến năm 2030 là rất cần thiết, đây là một nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng dân số trong tình hình mới là thực sự rất cần thiết.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số góp phần thực hiện thành công Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của huyện Tân Yên thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Chỉ tiêu cụ thể

Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 45% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030; giảm 50% số cặp tảo hôn đến 2030.

Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 50% vào năm 2025 và 70% vào năm 2030.

Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 5 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 50% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030.

Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ xã, thị trấn có điểm thực hiện dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 50% năm 2025 và 70% năm 2030.

Chỉ tiêu 5: Trung tâm Y tế huyện đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 50% vào năm 2025 và 80% vào năm 2030.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi: Thực hiện trên phạm vi toàn huyện

2. Đối tượng

a) Đối tượng thụ hưởng: Vị thành niên; nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ; phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh.

b) Đối tượng tác động: Người dân trong huyện, cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể, cán bộ y tế, dân số các cấp, các cơ sở y tế, các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật

a) Về cơ chế, chính sách

- Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa cung ứng dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

- Cơ chế quản lý:

Phòng Y tế huyện là cơ quan chủ trì quản lý, chỉ đạo Trung tâm Y tế huyện và trạm Y tế xã, thị trấn triển khai thực hiện Kế hoạch. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình theo quy định.

b) Về chuyên môn kỹ thuật

Trung tâm Y tế huyện triển khai cung cấp các kỹ thuật thuộc danh mục các bệnh tật thuộc gói dịch vụ phổ biến về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh do Bộ Y tế ban hành; thực hiện mở rộng cung cấp các danh mục kỹ thuật thuộc danh mục các bệnh tật ngoài gói dịch vụ phổ biến phù hợp với trình độ phát triển của khoa học công nghệ và chuyên môn kỹ thuật của đơn vị theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

2. Tuyên truyền vận động và huy động xã hội

a) Cung cấp thông tin về các hoạt động của Chương trình tới cấp ủy, chính quyền các cấp thông qua các hình thức truyền thông phù hợp. Lồng ghép với các hoạt động của chương trình, đề án, nhiệm vụ liên quan.

b) Tăng cường công tác phối hợp với các ngành, đoàn thể, tuyên truyền, vận động các tổ chức, người có uy tín trong cộng đồng và người dân ủng hộ, tham gia thực hiện Chương trình; quan tâm truyền thông lồng ghép trong các hội nghị của ngành, đoàn thể liên quan trực tiếp đến đối tượng thụ hưởng theo Kế hoạch. Lồng ghép nội dung truyền thông về lợi ích của việc tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân; tác hại của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong các nội dung, hoạt động tuyên truyền của các cấp, các ngành, các đoàn thể và trong các khoá học giáo lý, giáo luật các tôn giáo.

c) Đẩy mạnh tư vấn cộng đồng, vận động nam, nữ thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh; bà mẹ mới sinh thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh, dị tật bẩm sinh. Đa dạng hoá nội dung, hình thức truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng thụ hưởng như: Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội thi, nói chuyện chuyên đề, tư vấn nhóm, tuyên

truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng, phát hành các ấn phẩm, tài liệu truyền thông...

3. Phát triển mạng lưới dịch vụ

a) Mở rộng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ có chất lượng về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh:

- Trang bị tài liệu, cẩm nang về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh cho cán bộ làm công tác tư vấn, cung cấp dịch vụ từ huyện đến cơ sở và hướng dẫn thực hiện.

- Triển khai tới đối tượng theo Kế hoạch về ứng dụng xã hội trên nền tảng kỹ thuật số về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh do Bộ Y tế triển khai.

- Thực hiện đào tạo kiến thức, kỹ năng truyền thông, tư vấn về các dịch vụ khám sức khỏe tổng quát trước khi kết hôn, tầm soát trước sinh và sơ sinh cho đội ngũ cán bộ y tế, dân số cơ sở bảo đảm đáp ứng nhu cầu đối với từng nhóm đối tượng tham gia thực hiện các dịch vụ.

b) Khuyến khích xã hội hóa đầu tư và phát triển mạng lưới sàng lọc trước sinh, sơ sinh tại các cơ sở y tế có dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình tuyến huyện; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế công lập triển khai cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh.

c) Triển khai thí điểm mô hình cung cấp dịch vụ tại khu, cụm công nghiệp, địa bàn có đối tượng khó tiếp cận; ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ; xây dựng hệ thống thông tin quản lý cơ sở cung cấp dịch vụ, cơ sở dữ liệu về các đối tượng của chương trình theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

4. Huy động các nguồn lực

a) Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chương trình; huy động toàn bộ mạng lưới y tế, dân số tham gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao; ưu tiên đảm bảo hoạt động ở tuyến cơ sở.

b) Hàng năm UBND huyện, xã bố trí ngân sách theo phân cấp để triển khai thực hiện Kế hoạch.

c) Lồng ghép trong các nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, địa phương và lồng ghép trong các chương trình, kế hoạch, đề án khác.

V. DỰ KIẾN KINH PHÍ

1. Nhu cầu kinh phí

1) Ngân sách Trung ương (nếu có).

- 2) Ngân sách địa phương: Kinh phí thực hiện Kế hoạch đến năm 2030:
 + Ngân sách cấp huyện: 620.000.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi triệu đồng*).
 + Ngân sách cấp xã (*nếu có*)

(Chi tiết có phụ lục gửi kèm theo)

2. Nguồn kinh phí:

a) Căn cứ tình hình thực tế của địa phương hàng năm bố trí trong dự toán chi thường xuyên của đơn vị y tế và các cơ quan, đơn vị khác được giao nhiệm vụ.

b) Nguồn vốn viện trợ, tài trợ và xã hội hóa được sử dụng có hiệu quả theo đề xuất của nhà tài trợ và yêu cầu thực tế của địa phương, đơn vị.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Y tế huyện

Chủ trì phối hợp với Trung tâm Y tế huyện và các ngành liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch. Kiểm tra, giám sát, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND huyện và Sở Y tế theo quy định.

2. Trung tâm Y tế huyện

Thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc các bệnh tật trước sinh, sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản do Bộ Y tế ban hành; triển khai mở rộng sàng lọc các bệnh tật trước sinh, sơ sinh thuộc Chương trình phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ, chuyên môn kỹ thuật của các đơn vị. Đồng thời đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa trong cung cấp các dịch vụ trên. Huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân đầu tư cho các dịch vụ theo Kế hoạch. Tổ chức các hoạt động truyền thông đến đối tượng theo kế hoạch.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Chủ trì, phối hợp với Phòng Y tế và các đơn vị có liên quan đưa mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và hướng dẫn các địa phương đưa các mục tiêu về dân số và phát triển vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; lồng ghép các nguồn lực của các chương trình phát triển kinh tế - xã hội với Chương trình dân số. Cân đối nguồn ngân sách đảm bảo chi cho các nội dung hoạt động của Kế hoạch.

4. Phòng Tư Pháp, Văn hóa và Thông tin, Lao động-Thương binh và Xã hội huyện

Phối hợp với Phòng Y tế huyện, Trung tâm y tế huyện và các cơ quan liên quan rà soát, hướng dẫn thực hiện các nội dung về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn. Lồng ghép tuyên truyền đến các điểm, trung tâm y tế hướng dẫn các nội dung tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tuyên truyền các quy định của pháp luật về cấm tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong các hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật của ngành.

5. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế huyện hướng dẫn, lồng ghép các nội dung tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong các chương trình giáo dục ngoại khóa, chính khóa của cấp học trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường chuyên nghiệp trên địa bàn huyện.

6. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện

Phối hợp với Trung tâm Y tế huyện thu thập thông tin và các nội dung tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn và các quy định của pháp luật về cấm tảo hôn và hôn nhân cận huyết tuyên truyền các nội dung, hoạt động theo Kế hoạch trên hệ thống truyền thanh huyện, xã, thị trấn.

7. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Căn cứ Kế hoạch thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn huyện Tân Yên đến năm 2030 và đảm bảo các chính sách có liên quan. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình tại địa phương và giám sát thực hiện; bố trí nguồn kinh phí từ nguồn ngân sách để triển khai thực hiện Chương trình.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQ, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân và Huyện đoàn

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, phạm vi của mình phối hợp với Trung tâm Y tế huyện tham gia triển khai và giám sát thực hiện kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn huyện Tân Yên đến năm 2030. Yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c);
- Sở Y tế tỉnh (b/c);
- Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh (b/c);
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan thuộc UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội huyện;
- Trung tâm Y tế huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TTYT .

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Quốc Hưng

